TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2023/HNGĐ-ST
Ngày 09/8/2023
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phúc.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh;

2. Ông Nguyễn Văn Tư;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 218/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thủy T**, *sinh năm 2001. Địa chỉ:* **Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre** *(xin vắng mặt).*

- Bị đơn: Anh Nguyễn Chánh T1, *sinh năm 1996. Địa chỉ:* Ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang *(vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 18/4/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị*** Nguyễn Thị Thủy T ***trình bày:***

Chị và anh Nguyễn Chánh T1 tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn ngày 24/6/2019 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan

điểm sống, vợ chồng cự cãi thường xuyên. Mâu thuẫn vợ chồng ngàycàng gay gắt và ly thân tháng 12/2022 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với anh Nguyễn Chánh T1.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Mộng T2, sinh ngày 08/01/2020 do chị đang chăm sóc, nuôi dưỡng từ lúc ly thân đến nay. Sau khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con.

- Về cấp dưỡng: Chị chưa yêu cầu anh Nguyễn Chánh T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, bản tự khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Nguyễn Chánh T1 vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thủy T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy chị Nguyễn Thị Thủy T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Chánh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Thủy T xin ly hôn với anh Nguyễn Chánh T1 nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của các bên đương sự: Quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Thủy T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xin vắng mặt tại phiên tòa. Anh Nguyễn Chánh T1 vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử nhận định:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thủy T và anh Nguyễn Chánh T1 chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do chung sống không hạnh phúc nên vợ chồng ly thân từ tháng 12/2022 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Thủy T cương quyết xin ly hôn.

Tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành do anh Nguyễn Chánh T1 vắng mặt không lý do, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thủy T.

3.2. Về con chung: Xét thấy con chung đang sống với chị Nguyễn Thi Thủy T, cuộc sống sinh hoạt đã ổn định, nên tiếp tục giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

3.3. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3.4. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thủy T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; khoản 1, 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thủy T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thủy T ly hôn với anh Nguyễn Chánh T1.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Mộng T2, sinh ngày 08/01/2020 cho chị Nguyễn Thị Thủy T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Chánh T1 được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thủy T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017538 ngày 27/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên chị Nguyễn Thị Thủy T đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hà Văn Phúc

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện CL;
- THADS huyện CL;
- UBND xã Ngũ Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu;